

**CÔNG TY TNHH ĐẠI LÝ THUẾ HRA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẠI LÝ THUẾ HRA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HRA TAX AGENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HRA TAX AGENT

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108570044

**3. Ngày thành lập:** 08/01/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 20C, Ngõ 155, Đường Cầu Giấy, Phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0246639911

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Hoạt động liên quan đến kế toán, kiểm toán và tư vấn về thuế<br>Chi tiết: Dịch vụ làm thủ tục về thuế - Bản ghi giao dịch thương mại từ người kinh doanh; - Các công việc chuẩn bị thuế thu nhập cá nhân và thu nhập kinh doanh; - Hoạt động tư vấn và đại diện (trừ đại diện pháp lý) thay mặt khách hàng trước cơ quan thuế. (Loại trừ các hoạt động liên quan đến kiểm toán) | 6920(Chính) |
| 2.  | Đào tạo cao đẳng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 8533        |
| 3.  | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 6201        |
| 4.  | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 6202        |
| 5.  | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác<br>Chi tiết: Photo, chuẩn bị tài liệu                                                                                                                                                                                                                                                                  | 8219        |
| 6.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4652        |
| 7.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển; Logistics; Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu: Môi giới thuê tàu biển, máy bay, phương tiện vận tải bộ; Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay; Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;                                                | 5229        |
| 8.  | Xuất bản phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 5820        |
| 9.  | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 6311        |
| 10. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 6619        |
| 11. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7320        |
| 12. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 8560        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 13. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 6209 |
| 14. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7020 |
| 15. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 8230 |
| 16. | Đào tạo sơ cấp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 8531 |
| 17. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng;<br>- Các dịch vụ dạy kèm (gia sư);<br>- Giáo dục dự bị;<br>- Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém;<br>- Các khoá dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn;<br>- Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;<br>- Dạy đọc nhanh;<br>- Dạy lái xe cho những người không hành nghề lái xe;<br>- Dạy bay;<br>- Đào tạo tự vệ;<br>- Đào tạo về sự sống;<br>- Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng;<br>- Dạy máy tính. | 8559 |
| 18. | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 8211 |
| 19. | Đào tạo trung cấp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 8532 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

### 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên     | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức    | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|--------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN THANH TÙNG  | Khu 8, Xã Phú Khánh, Huyện Hạ Hoà, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam                               | 400.000.000           | 40,000    | 132047180                                                                                                                                         |         |
| 2   | TRẦN NGỌC TÂN      | Số 2 ngõ 1 Lê Hồng Phong, Phường Lê Hồng Phong, Thành phố Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam | 300.000.000           | 30,000    | 168208764                                                                                                                                         |         |
| 3   | NGUYỄN THỊ LÝ THẢO | Khu 3, Xã Quân Khê, Huyện Hạ Hoà, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam                                | 300.000.000           | 30,000    | 132264610                                                                                                                                         |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THANH TÙNG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *28/08/1989*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *132047180*

Ngày cấp: *03/03/2010*

Nơi cấp: *Công an tỉnh Phú Thọ*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Khu 8, Xã Phú Khánh, Huyện Hạ Hoà, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Khu 8, Xã Phú Khánh, Huyện Hạ Hoà, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội